TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/DS-ST
Ngày 23/8/2017
V/v "Tranh chấp đòi tiền biêu, hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Bà Vũ Thị Lệ Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2017 về việc *"Tranh chấp đòi tiền biêu"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2017/QĐST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2017/QĐST- DS ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C** - Sinh năm: 1981- Nơi ĐKHKTT: 111 đường K, tổ 1E phường T, quận S, Tp Đà Nẵng- Tạm trú: 57 đường T, phường P, quận S, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị M**- Sinh năm; 1971- Trú tại: Tổ 24C phường M, quận S, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Võ Thị S (Võ Thị Thu H)**- Sinh năm: 1974- Trú tại: Tổ 25A phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

3.2. Ông **Nguyễn X (Nguyễn Viết X)**- Sinh năm: 1964- Trú tại: Số 6 đường L, tổ 7C phường T, quận S, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

3.3. Bà **Nguyễn Thị D**- Sinh năm: 1963- Trú tại: Tổ 24A3 phường M, quận S, tp Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

4. Người làm chứng:

4.1. Bà **Đặng Thị T**- Sinh năm: 1972- Trú tại: Tổ 24C phường M, quận S, Tp Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09/1/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay- nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:*

Vào ngày 20/02/2012 âm lịch, bà Lê Thị M có huy động một dây biêu có 12 chân biêu. Bà có tham gia chơi một chân do bà M làm chủ biêu. Hàng tháng bà nộp biêu cho bà M với số tiền 10.000.000 đồng/ tháng.

Trong quá trình chơi biêu, bà C đã đóng tiền đầy đủ, đến tháng 11 thì bà C hốt biêu nhưng bà M không chồng biêu và bỏ trốn. Ngày 14/01/2013 bà C đã gửi đơn tố giác đến Công an quận S để yêu cầu giải quyết về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Lê Thị M. Qua kiểm tra, xác minh Công an quận S đã xác định vụ việc mang tính chất dân sự nên đã hướng dẫn bà C khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận S.

Những người tham gia chơi biêu mà bà được biết gồm có:

- Bà Lê Thị M (chủ biêu).
- Bà Võ Thị Thu H.
- Bà Trần Thị C.
- Bà Lê Thị O.
- Bà Đặng Thị T.
- Ông Nguyễn X.
- Ông H (không rõ tên tuổi và địa chỉ)

Khi tham gia chơi biêu bà C không nhận được giấy mời biêu. Những tháng đầu vì công việc làm ăn nên bà có gởi tiền cho bà Võ Thị Thu H nộp cho bà M, bà M đã nhận số tiền đó vào ngày 25 Âm lịch hàng tháng, những tháng sau đó thì bà đã trực tiếp nộp cho bà M. Nay bà yêu cầu bà M phải trả cho bà số tiền nợ biêu gồm: 120.000.000 đồng – 20.000.000 đồng (2 chân biêu bà phải nộp lại sau khi hốt) – 10.000.000 đồng (bà M trả cho bà) = 90.000.000 đồng. Đồng thời bà M phải trả cho bà tiền lãi chậm trả theo lãi suất Ngân hàng 12%/năm tính từ thời điểm 01/01/2013 đến 01/01/2017 (thời điểm khởi kiện) cụ thể: 90.000.000 đồng x 12%/năm x 4 năm= 43.200.000 đồng.

Vậy tổng số tiền bà C yêu cầu bà M phải trả cho bà là 133.200.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn - bà Lê Thị M trình bày*

Vào năm 2012 bà và bà Võ Thị Thu H có tổ chức cầm một dây biêu 12 phần, mỗi phần 10.000.000 đồng/ tháng.

Bà và bà H thỏa thuận hai người cùng cầm biêu, mỗi người chịu trách nhiệm 6 phần (60.000.000 đồng). Ngày vào biêu là 20/01/2012 ÂL, ngày mở biêu: 20/02/2012 ÂL, ngày chồng biêu: ngày 25 ÂL hàng tháng.

Bà M có trách nhiệm mời và thu biêu của những người sau:

- Lê Thị M chơi 1 phần.
- Nguyễn Thị D chơi 1 phần.
- Đặng Thị T chơi 1 phần.
- Trần Thị C chơi 1 phần. Chơi được 2 tháng thì bán biêu quá cho bà Trần Thị P.

- Lê Thị O chơi 1 phần.
- Nguyễn X (Nguyễn Viết X) chơi 1 phần.

Còn bà Võ Thị Thu H chịu trách nhiệm mời và thu biêu của những người sau:

- bà Võ Thị Thu H chơi 2,5 phần.
- Bà Nguyễn Thị Kim C chơi 1 phần.
- Ông Nguyễn Văn H chơi 1 phần.
- Và 02 người nữa bà không rõ, bà chỉ biết tên là Thương và Tâm chơi các phần còn lại.

Quá trình chơi như sau:

- Tháng 1: Bà M áp cái.
- Tháng 2: bà H hốt biêu.
- Tháng 3: bà H hốt biêu.
- Tháng 4: bà T hốt biêu.
- Tháng 5: bà D hốt biêu.
- Tháng 6: ông H hốt biêu.
- Tháng 7: bà H hốt cho ai bà không rõ (người này thuộc bên bà H chịu trách nhiệm).
- Tháng 8: bà P hốt biêu.
- Tháng 9: bà H hốt cho ai bà không rõ (người này thuộc bên bà H chịu trách nhiệm).
- Tháng 10: bà O hốt để trả nợ Ngân hàng.
- Tháng 11: bà C hốt nhưng lúc đó bể biêu.
- Tháng 12: ông X rút ống.

Như vậy, bên phần biêu bà chịu trách nhiệm thì ông X chưa hốt, bên phần biêu bà H chịu trách nhiệm có bà C chưa hốt.

Về phía bên bà M, sau khi bà M, bà Dừng, ông X thỏa thuận với nhau và đi đến thống nhất: do bà Nguyễn Thị D còn nợ 90.000.000 tiền biêu của bà M nên bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm trả cho ông X số tiền 90.000.000 đồng, có viết giấy nhận nợ và ông X đã đồng ý cho bà Nguyễn Thị D trả dần số tiền đó mỗi tháng 2.000.000 đồng, đồng thời ông X xác nhận giữa ông và bà M không còn liên quan gì nữa.

Còn bà Võ Thị Thu H nợ lại bà M 05 tháng biêu tổng số tiền là 125.000.000 đồng, bà H đã trả được 75.000.000 đồng. Hiện tại bà H còn nợ bà M 50.000.000 đồng tiền biêu.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn H (phía bên biêu của bà H chịu trách nhiệm) đã hốt biêu và còn nợ lại của bà M 60.000.000 đồng tiền biêu chết.

Tất cả những người còn lại gồm: bà C, ông X, bà O, bà P, bà T đã đóng biêu đầy đủ. Do bà H, ông H còn nợ tiền biêu chết nên hai người này phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền biêu như sau:

110.000.000 (tiền bà C thực nhận)
– 9.000.000 đồng tiền lãi để mua biêu
– 10.000.000 đồng tiền phải đóng cho ông X tháng sau
– 10.000.000 đồng bà M đã đóng biêu cho bà C.

81.000.000 đồng. Đây là số tiền bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn X phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim C. Số tiền còn lại sau khi trả cho bà C thì ông Hòa và bà H phải trả lại cho bà M.

Bà khẳng định bà Lê Thị O (đã chết), bà Trần Thị C (đi Mỹ), bà Đặng Thị T, bà Trần Thị P đã đóng và hốt biêu đầy đủ nên không còn liên quan gì đến vụ án này.

Đối với giấy mời biêu ngày 20/01/2012 (ÂL) thì bà xác định chữ ký "Hà" trong giấy mời biêu không phải của bà Võ Thị Thu H mà là của bà Lê Thị O viết.

** Tại bản tự khai- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn X (Nguyễn Viết X) trình bày:*

Vào năm 2012 bà M có mời ông tham gia chơi dây biêu 12 phần, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng/ phần. Ông đồng ý chơi và đã đóng biêu đầy đủ cho bà M, nhưng đến tháng 12 ÂL ông rút ống thì bà M không trả tiền cho ông. Số tiền bà M còn nợ ông là 110.000.000 đồng.

Những người tham gia chơi biêu mà ông biết gồm có: Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Võ Thị Thu H, Bà Trần Thị C, bà Nguyễn Thị D, bà Lê Thị O.

** Tại bản tự khai- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S (Võ Thị Thu H) trình bày:*

Vào đầu năm 2012, bà M có nhờ bà tìm người vào tham gia chơi do bà M làm chủ biêu, dây biêu gồm 12 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/ tháng. Bà có mời bà C tham gia chơi 1 phần biêu. Bản thân bà cũng tham gia chơi 2,5 phần là 25.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình chơi, hàng tháng bà C có đóng đầy đủ tiền biêu cho bà M.

Tháng đầu tiên bà M áp cái.

Tháng thứ 2 bà H và bà M hốt biêu, mỗi người ½ chân biêu.

Tháng thứ 5 bà H hốt một chân biêu.

Tháng thứ 7 bà H hốt một chân biêu.

Còn lại 5 phần biêu chết bà phải đóng cho bà M là 125.000.000 đồng, bà đã trả 75.000.000 đồng cho bà M, hiện tại còn nợ bà M 50.000.000 đồng tiền biêu là 2 phần của bà C và ông X. Bà có thỏa thuận với ông X và bà C cho bà trả nợ sau khi bà M trả hết nợ cho bà C và ông X, hai người này đã đồng ý.

Đối với Giấy mời biêu ngày 20/01/2012 bà không hề hay biết, chữ ký trong Giấy mời biêu không phải của bà.

** Tại bản tự khai- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Vào năm 2012 bà có hay đến nhà bà M chơi tại địa chỉ 49 đường Đ, phường M, quận S, Tp Đà Nẵng và bà có biết bà Nguyễn Thị Kim C có tham gia chơi biêu do bà M làm chủ biêu. Trong quá trình chơi, bà có cùng bà M đi thu tiền biêu của bà C hàng tháng. Sau khi kết thúc chân biêu thứ 11 và 12 thì bà C có đi tìm bà M để đòi tiền biêu, nhưng bà M không trả. Sau đó, bà C có gửi đơn tại Công an quận S tố cáo bà M về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tại Công an quận S bà M có nói bà là cứ nhận là bà có tham gia chơi biêu do bà M cầm cái nên bà đồng ý khai nhận tại Công an có tham gia chơi 1 chân biêu, nhưng thực chất bà D không tham gia dây biêu này.

** Đối với người làm chứng- bà Đặng Thị T:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị Kim C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn- bà Lê Thị M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Võ Thị S (Võ Thị Thu H), ông Nguyễn X, bà Nguyễn Thị D; người làm chứng bà Đặng Thị T không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án như vậy là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại điều 70, 72, 73, 78 BLTTDS năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 15, 16, 19, 20, 21, 22, 23, 29 Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường, tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị M trả cho bà Nguyễn Thị Kim C tổng cộng 114.412.500đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về phần thủ tục**: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C nộp tại tòa án là đúng thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định những người chơi biêu mà nguyên đơn cung cấp gồm bà Võ Thị Thu H, ông Nguyễn X, bà Lê Thị O, bà Trần Thị C, bà Đặng Thị T, bà Nguyễn Thị D tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, qua thu thập chứng cứ và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị O, bà Trần Thị C và bà Đặng Thị T đã hốt biêu và đóng biêu đầy đủ. Do vậy, chỉ xác định những người này tham gia vụ án với tư cách là người làm chứng. Qua xác minh, thì được biết bà Lê Thị O đã chết năm 2014, còn bà Trần Thị C hiện đã đi Mỹ. Do vậy, Hội đồng xét xử không triệu tập hai người này làm nhân chứng tại phiên tòa.

[2] Cũng tại phiên tòa, bị đơn là chủ biêu cung cấp thêm những người tham gia chơi biêu còn có bà Trần Thị P và ông Nguyễn Văn H. Đối với bà Trần Thị P thì đã hốt biêu và đóng biêu đầy đủ nên không còn liên quan gì đến vụ án; đối với

ông Nguyễn Văn H đã bỏ trốn khỏi địa phương, bà M không cung cấp được địa chỉ cụ thể của ông Hòa. Do đó, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định việc xuất hiện thêm những người này không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không cần thiết phải bổ sung những người này để tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[3] **Về nội dung vụ án:**

Vào ngày 20/02/2012 âm lịch, bà Lê Thị M có huy động một dây biêu có 12 phần biêu, mỗi phần 10.000.000 đồng/ tháng. Bà C có tham gia chơi một phần do bà M làm chủ biêu. Trong quá trình chơi biêu, bà C đã đóng tiền đầy đủ, đến tháng 11 thì bà C hốt biêu nhưng bà M không chồng biêu cho bà C. Tại phiên tòa, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm trả dứt điểm cho bà số tiền nợ biêu là 81.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 01/8/2017 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định: 81.000.000 đ x 55 tháng x 0.75%/tháng= 33.412.500 đồng.

[4] Về phía bị đơn- bà Lê Thị M cho rằng dây biêu 12 phần này do hai người làm chủ biêu là bà và bà Võ Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Kim C tham gia chơi một chân biêu. Quá trình chơi biêu bà C đóng biêu đầy đủ đến tháng 11/2012 thì hốt biêu nhưng bà không chồng biêu cho bà C với lý do bà C thuộc 06 phần biêu do bà Võ Thị Thu H chịu trách nhiệm thu biêu. Mặt khác bà Võ Thị Thu H còn nợ bà số tiền biêu 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H còn nợ bà số tiền biêu 60.000.000 đồng. Do đó, bà Võ Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền biêu là 81.000.000 đồng, số tiền còn lại thì bà H, ông Hòa phải hoàn trả lại cho bà.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị M thay đổi lời khai, bà thừa nhận trách nhiệm của chủ biêu phải nộp thay phần biêu của các thành viên nếu đến kỳ mở biêu mà các thành viên đó không đóng phần biêu. Bà xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kim C số tiền biêu là 81.000.000 đồng, cụ thể:

110.000.000 (tiền bà C thực nhận)

– 9.000.000 đồng tiền lãi để mua biêu

– 10.000.000 đồng tiền phải đóng cho ông X tháng sau

– 10.000.000 đồng bà M đã đóng biêu cho bà C.

81.000.000 đồng. Đây là số tiền bà M đồng ý trả cho bà C nhưng bà xin cho bà một khoảng thời gian, đợi khi nào bà khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị S (Võ Thị Thu H) lấy lại tiền thì bà sẽ trả cho bà C. Đồng thời, bà M không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Việc bà Lê Thị M còn nợ bà Nguyễn Thị Kim C số tiền biêu 81.000.000 đồng là có thật và được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, việc bà M xin cho bà một khoảng thời gian, đợi khi nào bà khởi kiện ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị S (Võ Thị Thu H) lấy lại tiền thì bà sẽ trả cho bà C không được bà C đồng ý, việc này thể hiện sự thiếu thiện chí trả nợ nhằm trốn tránh trách nhiệm và kéo dài việc trả nợ đồng thời cũng ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C nên Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền nợ biêu 81.000.000 đồng (Tám mươi mốt triệu đồng).

[6] Đối với yêu cầu về lãi suất chậm trả của nguyên đơn: Căn cứ vào điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì chủ biêu phải trả lãi đối với các phần biêu giao chậm theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian giao chậm tại thời điểm giao các phần biêu. Do đó, yêu cầu về tiền lãi chậm trả của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, cần buộc bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả số tiền lãi chậm trả cho bà Nguyễn Thị Kim C với số tiền: 81.000.000đ x 55 tháng x 0.75%/tháng= 33.412.500 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc bà Lê Thị M phải có trách nhiệm trả dứt điểm cho Nguyễn Thị Kim C tổng số tiền là : 81.000.000 đồng + 33.412.500 đồng = 114.412.500 đồng *(Một trăm mười bốn triệu bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)* là phù hợp với Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 và các Điều 15, 16, 19, 20, 21, 22, 23, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[8] **Án phí dân sự sơ thẩm**: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 15, 16, 19, 20, 21, 22, 23, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C đối với bà Lê Thị M về "tranh chấp đòi tiền biêu, hụi".

Xử: Buộc bà Lê Thị M phải trả cho Nguyễn Thị Kim C số tiền là 114.412.500 đồng *(Một trăm mười bốn triệu, bốn trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu là: 5.720.625 đồng *(Năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng)*.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí 3.330.000 đồng *(Ba triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)* theo biên lai thu số 1534 ngày 20/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng có trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm